

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-36

S.D.N - 0100

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 thuộc Tổng Công ty Sông Đà được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002 Ban quản lý chuyên thành Nhà máy thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Ngọc Phiếm	Chủ tịch	
Ông Đỗ Văn Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Đào Quang Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Trần Thế Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Bùi Vi Dương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Phùng Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Trọng Cấn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thanh Lệ	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 18/05/2016
Bà Lê Hứa Thúy Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Quách Mạnh Hải	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Vũ Tiến Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Số: 481/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		50.314.997.863	75.011.893.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.882.353.781	19.763.291.782
111	1. Tiền		1.382.353.781	19.763.291.782
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.950.144.010	54.214.349.421
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	13.963.292.316	14.290.015.321
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.632.321.450	1.548.964.223
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	42.000.000	24.700.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	12.396.463.133	13.675.369.877
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.083.932.889)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	27.413.018.500	807.217.947
141	1. Hàng tồn kho		27.413.018.500	807.217.947
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		69.481.572	227.034.315
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		50.930.983	43.991.675
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	18.550.589	183.042.640
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		435.689.150.528	471.800.733.824
220	II. Tài sản cố định		427.808.067.301	465.100.416.740
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	427.808.067.301	465.100.416.740
222	- Nguyên giá		691.995.914.339	691.995.914.339
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(264.187.847.038)	(226.895.497.599)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	1.662.536.485	1.662.536.485
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.662.536.485	1.662.536.485
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.000.000.000	1.935.614.148
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(64.385.852)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.218.546.742	3.102.166.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.263.170.502	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	2.955.376.240	3.102.166.451
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		486.004.148.391	546.812.627.289

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		212.318.386.014	269.030.712.663
310	I. Nợ ngắn hạn		45.490.738.629	48.948.081.972
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	473.940.789	3.494.967.649
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	17.600.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.450.431.710	2.827.823.539
314	4. Phải trả người lao động		2.301.048.810	2.212.267.999
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	458.401.316	34.800.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.935.503.631	2.162.930.426
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	37.260.000.000	38.038.141.576
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		611.412.373	159.550.783
330	II. Nợ dài hạn		166.827.647.385	220.082.630.691
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	165.702.630.691	220.082.630.691
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.b	1.125.016.694	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		273.685.762.377	277.781.914.626
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	273.685.762.377	277.781.914.626
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		209.999.000.000	209.999.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.999.000.000	209.999.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(468.780.000)	(468.780.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		32.135.208.453	27.009.474.726
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.078.991.654	30.324.756.318
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(1.602.649.199)	(3.171.819.360)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		25.681.640.853	33.496.575.678
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		32.678.666	32.678.666
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.908.663.604	10.884.784.916
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		486.004.148.391	546.812.627.289

Trần Ngọc Anh

Trần Ngọc Anh
 Người lập

Trần Thanh Hà

Trần Thanh Hà
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hà

Đỗ Văn Hà
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	160.090.016.285	163.672.862.889
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.090.016.285	163.672.862.889
11	4. Giá vốn hàng bán	22	91.329.191.574	91.197.831.452
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.760.824.711	72.475.031.437
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	739.564.160	1.954.453.811
22	7. Chi phí tài chính	24	21.641.918.248	30.791.793.935
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.699.254.874	29.283.228.992
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20.861.125.213	9.985.061.071
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.997.345.410	33.652.630.242
31	12. Thu nhập khác	26	47.405.855	5.142.068.342
32	13. Chi phí khác	27	692.739.375	2.721.386.461
40	14. Lợi nhuận khác		(645.333.520)	2.420.681.881
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.352.011.890	36.073.312.123
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.374.685.444	2.133.172.708
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.c	1.271.806.905	161.469.232
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>22.705.519.541</u>	<u>33.778.670.183</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		25.681.640.853	33.496.575.678
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(2.976.121.312)	282.094.505
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.223	1.772

Trần Ngọc Anh
 Người lập

Trần Thanh Hà
 Kế toán trưởng

Đỗ Văn Hà
 Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.352.011.890	36.073.312.123
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		37.292.349.439	37.729.514.736
03	- Các khoản dự phòng		12.019.547.037	(1.161.608.700)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(739.479.410)	(1.828.521.087)
06	- Chi phí lãi vay		21.699.254.874	29.283.228.992
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		96.623.683.830	100.095.926.064
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		735.660.065	623.528.672
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(343.800.553)	10.219.133.065
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.807.235.272)	(46.940.546.165)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.263.170.502)	254.801.746
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	404.914.857
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.529.603.020)	(34.192.670.564)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.922.633.732)	(2.028.768.385)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		122.102.600	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.418.823.011)	(2.329.359.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		67.196.180.405	26.106.960.290
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	7.575.435.043
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	200.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		244.985.410	44.760.467
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		244.985.410	7.820.195.510
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	29.999.920.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		-	167.970.610.576
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(55.158.141.576)	(218.364.241.253)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(25.163.962.240)	(755.890.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(80.322.103.816)	(21.149.600.677)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.880.938.001)	12.777.555.123
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.763.291.782	6.985.736.659
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>6.882.353.781</u>	<u>19.763.291.782</u>



Trần Ngọc Anh
Người lập



Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 thuộc Tổng Công ty Sông Đà được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002 Ban quản lý chuyển thành Nhà máy thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 209.999.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 209.999.000.000 đồng; tương đương 20.999.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện thương phẩm, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn, xây lắp các công trình điện; Xây dựng, sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, buru điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở tại Hà Nội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết vào Công ty con là 75,9 % với hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh bất động sản, xây lắp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Ưu đãi thuế

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11/07/2003 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy thủy điện Nậm Mu được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2016 là năm thứ 13 Nhà máy được hưởng ưu đãi thuế suất 10% và là năm thứ 09 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được UBND Tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 102110000002 ngày 27/02/2007 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy thủy điện Nậm Ngần được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 04 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

CT
HUYỆN BẮC QUANG
M T O
SC
T E M - T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	859.404.638	2.174.843.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	521.876.543	17.588.448.257
Tiền đang chuyển	1.072.600	-
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	-
	<u>6.882.353.781</u>	<u>19.763.291.782</u>

(*) Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 5.500.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại Cổ phần Công Thương - Chi nhánh Hà Giang với lãi suất từ 4,5 %/năm đến 5,2 %/năm.



. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000	(64.385.852)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	(64.385.852)
	2.000.000.000	-	2.000.000.000	(64.385.852)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2016 là 200.000 cổ phần tương đương 0,015% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	13.963.292.316	14.114.391.370
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	169.080.251
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	6.543.700
	13.963.292.316	14.290.015.321
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	169.080.251
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ hàn và xử lý bề mặt	125.218.500	-	108.000.000	-
Công ty CP nghiên cứu và thí nghiệm điện	-	-	495.000.000	-
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Á Châu	782.699.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng và PT Công nghệ Thông Tin	164.890.000	-	-	-
Công ty TNHH Nam Anh	387.353.950	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	172.160.000	-	945.964.223	-
	1.632.321.450	-	1.548.964.223	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN VỀ CHO VAY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn doanh nghiệp VNS	-	16.800.000.000
- Ông Đặng Đình Thắng	42.000.000	7.900.000.000
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	-	-
	42.000.000	24.700.000.000

35
 CÔNG TY
 KIỂM
 AS
 KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi vay phải thu Công ty CP Đầu tư và Tư vấn doanh nghiệp VNS	7.832.324.889	7.832.324.889	9.099.988.889	-
Lãi vay phải thu Ông Đặng Đình Thắng	4.209.608.000	4.209.608.000	4.051.450.000	-
Tạm ứng	197.801.278	-	337.272.255	-
Phải thu khác	156.728.966	-	186.658.733	-
	12.396.463.133	12.041.932.889	13.675.369.877	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- CTCP Đầu tư và tư vấn doanh nghiệp VNS	7.832.324.889	-	9.099.988.889	9.099.988.889
- Ông Đặng Đình Thắng	4.251.608.000	-	4.051.450.000	4.051.450.000
	12.083.932.889	-	13.151.438.889	13.151.438.889

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.151.018.500	-	540.800.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.060.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	263.357.947	-
Hàng hóa bất động sản (*)	26.262.000.000	-	-	-
	27.413.018.500	-	807.217.947	-

(*) Là giá trị đất và tài sản trên đất tại lô đất số BD923225 tại địa chỉ P104 A3 - Lạc Chính - Trúc Bạch - Ba Đình - Hà Nội với diện tích là 297,90 m² và quyền sử dụng đất 02 lô biệt thự tại thành phố Huế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.662.536.485	1.662.536.485
- Công trình Thủy Điện Sông Chày	1.662.536.485	1.662.536.485
	<u>1.662.536.485</u>	<u>1.662.536.485</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.263.170.502	-
	<u>1.263.170.502</u>	<u>-</u>

Red circular stamp: N.S.N. - 0100111

Red curved mark

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MŨ

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	508.095.570.773	182.028.016.968	1.814.781.143	57.545.455	691.995.914.339
Số dư cuối năm	508.095.570.773	182.028.016.968	1.814.781.143	57.545.455	691.995.914.339
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	150.934.833.053	74.213.449.740	1.694.464.801	52.750.005	226.895.497.599
- Khấu hao trong năm	23.025.385.371	14.199.394.866	62.773.752	4.795.450	37.292.349.439
Số dư cuối năm	173.960.218.424	88.412.844.606	1.757.238.553	57.545.455	264.187.847.038
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	357.160.737.720	107.814.567.228	120.316.342	4.795.450	465.100.416.740
Tại ngày cuối năm	334.135.352.349	93.615.172.362	57.542.590	-	427.808.067.301

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 424.416.346.496 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.143.851.479 VND

11/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MŨ
 Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
 (84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Việt Chuẩn	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	80.800.832	80.800.832	724.127.123	724.127.123
- Phải trả các đối tượng khác	393.139.957	393.139.957	1.470.840.526	1.470.840.526
	473.940.789	473.940.789	3.494.967.649	3.494.967.649
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	80.800.832	80.800.832	724.127.123	724.127.123



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.160.955.149	-	14.328.552.511	14.498.341.027	-	-	-	-	991.166.633	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.463.767.017	-	2.374.685.444	2.922.633.732	-	-	18.550.589	18.550.589	934.369.318	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	113.860.746	-	317.254.499	384.744.290	-	-	-	-	46.370.955	-	-
Thuế Tài nguyên	183.042.640	-	-	10.443.337.915	9.783.540.471	-	-	-	-	476.754.804	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	361.380	361.380	-	-	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	4.064.000	4.064.000	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	89.240.627	-	-	87.470.627	-	-	-	-	-	-	1.770.000
	183.042.640	2.827.823.539	27.471.255.749	27.684.155.527	18.550.589	2.450.431.710						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	243.401.316	-
- Chi phí phải trả khác	215.000.000	34.800.000
	<u>458.401.316</u>	<u>34.800.000</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	36.171.407	358.130.022
- Bảo hiểm xã hội	39.480.168	58.629.168
- Bảo hiểm y tế	7.029.977	10.147.356
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.124.434	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.978.260	84.060.500
- Phải trả lãi vay	577.226.589	650.976.051
- Quỹ bảo vệ môi trường rừng - Tỉnh Hà Giang	555.597.940	171.954.320
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	596.894.856	829.033.009
	<u>1.935.503.631</u>	<u>2.162.930.426</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MŨ

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả	38.038.141.576	38.038.141.576	37.260.000.000	38.038.141.576	37.260.000.000	37.260.000.000
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	14.760.000.000	10.000.000.000	14.760.000.000	14.760.000.000
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Chi nhánh Hà Giang (2)	28.038.141.576	28.038.141.576	22.500.000.000	28.038.141.576	22.500.000.000	22.500.000.000
	38.038.141.576	38.038.141.576	37.260.000.000	38.038.141.576	37.260.000.000	37.260.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt (1)	95.150.161.691	95.150.161.691	-	14.920.000.000	80.230.161.691	80.230.161.691
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Chi nhánh Hà Giang (2)	162.970.610.576	162.970.610.576	-	40.238.141.576	122.732.469.000	122.732.469.000
	258.120.772.267	258.120.772.267	-	55.158.141.576	202.962.630.691	202.962.630.691
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(38.038.141.576)	(38.038.141.576)	(37.260.000.000)	(38.038.141.576)	(37.260.000.000)	(37.260.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	220.082.630.691	220.082.630.691			165.702.630.691	165.702.630.691

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng số 109/2011.HDTD-DN ngày 07/04/2011, phụ lục số 01 ngày 30/11/2011, phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/01/2013 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay tối đa: 110.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm An;
 - + Thời hạn cho vay: 120 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo quy định của BAOVIETBANK tại thời điểm giải ngân, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 9,8%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay là giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị của dự án thủy điện Nậm An;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 80.230.161.691 đồng, nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 14.760.000.000 đồng.
- (2) Khoản vay với Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2015.HDTDDA/NHCT195-NAMMU ngày 30/06/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 167.970.610.576 đồng;
 - + Mục đích vay: Tái tài trợ khoản vay dài hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần;
 - + Thời hạn cho vay: 70 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng tối đa không quá ngày 07/04/2021;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 9,8%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nhà máy thủy điện Nậm Ngần, và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 122.732.469.000 đồng, nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 22.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MŨ

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
4 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	149.999.890.000	(204.360.000)	23.941.152.156	15.855.334.013	32.678.666	10.602.690.411	200.227.385.246
Tăng vốn trong năm trước	59.999.110.000	(264.420.000)	-	-	-	-	59.734.690.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	33.496.575.678	-	282.094.505	33.778.670.183
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.068.322.570	(19.027.153.373)	-	-	(15.958.830.803)
Số dư cuối năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	27.009.474.726	30.324.756.318	32.678.666	10.884.784.916	277.781.914.626
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	27.009.474.726	30.324.756.318	32.678.666	10.884.784.916	277.781.914.626
Lãi trong năm nay	-	-	-	25.681.640.853	-	(2.976.121.312)	22.705.519.541
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.125.733.727	(31.927.405.517)	-	-	(26.801.671.790)
Số dư cuối năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	24.078.991.654	32.678.666	7.908.663.604	273.685.762.377

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ/16 ngày 18 tháng 05 năm 2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100%	32.035.835.796
Trích Quỹ đầu tư phát triển	16,00%	5.125.733.727
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.601.791.790
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	78,66%	25.199.880.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,34%	108.430.279

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	51,00%	107.100.000.000	51,00%	107.100.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	23,44%	49.220.600.000	12,02%	25.235.800.000
Các cổ đông khác	25,56%	53.678.400.000	36,98%	77.663.200.000
	100%	209.999.000.000	100%	209.999.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	209.999.000.000	209.999.000.000
- Vốn góp đầu năm	209.999.000.000	149.999.890.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	59.999.110.000
- Vốn góp cuối năm	209.999.000.000	209.999.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.199.880.000	14.999.980.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	25.199.880.000	14.999.980.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.999.900	20.999.900
- Cổ phiếu phổ thông	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.999.900	20.999.900
- Cổ phiếu phổ thông	20.999.900	20.999.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	32.135.208.453	27.009.474.726
	32.135.208.453	27.009.474.726

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	73,14	78,34
- Đồng Euro (EUR)	61,27	83,24

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	159.799.585.665	158.666.828.091
Doanh thu hoạt động xây lắp	229.430.620	3.074.188.372
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	61.000.000	1.931.846.426
	160.090.016.285	163.672.862.889
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	229.430.620	3.074.188.372

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	91.065.833.627	82.103.419.813
Giá vốn của hoạt động xây lắp	263.357.947	6.271.639.290
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	2.822.772.349
	91.329.191.574	91.197.831.452

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	739.479.410	1.921.549.356
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	84.750	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	32.904.455
	739.564.160	1.954.453.811

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.699.254.874	29.283.228.992
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(64.385.852)	(813.693.843)
Chi phí tài chính khác	7.049.226	2.322.258.786
	21.641.918.248	30.791.793.935

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	644.401.764	1.504.264.937
Chi phí nhân công	5.030.351.898	6.364.279.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.569.202	114.584.640
Thuế, phí, lệ phí	107.967.036	151.513.238
Chi phí dự phòng	12.083.932.889	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	841.993.151	342.716.558
Chi phí khác bằng tiền	2.084.909.273	1.507.702.539
	20.861.125.213	9.985.061.071

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ tiền dịch vụ môi trường rừng các năm trước	-	5.089.601.960
Thu nhập khác	47.405.855	52.466.382
	47.405.855	5.142.068.342

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	322.778.560
Các khoản chậm nộp	515.862.505	2.225.873.651
Chi phí khấu hao TSCĐ dừng hoạt động	22.662.504	172.734.250
Chi phí khác	154.214.366	-
	692.739.375	2.721.386.461

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	7.228.480.211	6.806.842.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(4.899.499.591)	(4.812.136.733)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	45.704.824	138.466.750
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.374.685.444	2.133.172.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.463.767.017	1.359.362.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.922.633.732)	(2.028.768.385)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	915.818.729	1.463.767.017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.955.376.240	3.102.166.451
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>2.955.376.240</u>	<u>3.102.166.451</u>

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.125.016.694	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>1.125.016.694</u>	<u>-</u>

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch các khoản tạm thời phải chịu thuế	1.271.806.905	161.469.232
	<u>1.271.806.905</u>	<u>161.469.232</u>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	25.681.640.853	33.496.575.678
Các khoản điều chỉnh	-	(1.601.791.790)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(1.601.791.790)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.681.640.853	31.894.783.888
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.999.900	17.999.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.223</u>	<u>1.772</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

T. T. T.
 H. H. H.
 T. O. A. N.
 S. C.
 M. T.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.135.215.352	10.774.400.398
Chi phí nhân công	18.594.008.997	20.205.796.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.269.686.935	37.729.514.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.380.191.260	9.092.172.649
Chi phí khác bằng tiền	29.548.256.296	14.354.198.317
	111.927.358.840	92.156.082.899

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.882.353.781	-	19.763.291.782	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.359.755.449	(12.083.932.889)	27.965.385.198	-
Các khoản cho vay	42.000.000	-	24.700.000.000	-
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	(64.385.852)
	35.284.109.230	(12.083.932.889)	74.428.676.980	(64.385.852)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	202.962.630.691	258.120.772.267
Phải trả người bán, phải trả khác	2.409.444.420	5.657.898.075
Chi phí phải trả	458.401.316	34.800.000
	205.830.476.427	263.813.470.342

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
 (84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.882.353.781	-	-	6.882.353.781
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.275.822.560	-	-	14.275.822.560
Các khoản cho vay	42.000.000	-	-	42.000.000
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
	21.200.176.341	2.000.000.000	-	23.200.176.341
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.763.291.782	-	-	19.763.291.782
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.965.385.198	-	-	27.965.385.198
Các khoản cho vay	24.700.000.000	-	-	24.700.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.935.614.148	-	1.935.614.148
	72.428.676.980	1.935.614.148	-	74.364.291.128

CÔNG
 TÁC NHẬP
 SÁNG K
 AI
 TOÁN K

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
 (84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	37.260.000.000	165.702.630.691	-	202.962.630.691
Phải trả người bán, phải trả khác	2.409.444.420	-	-	2.409.444.420
Chi phí phải trả	458.401.316	-	-	458.401.316
	<u>40.127.845.736</u>	<u>165.702.630.691</u>	<u>-</u>	<u>205.830.476.427</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	38.038.141.576	220.082.630.691	-	258.120.772.267
Phải trả người bán, phải trả khác	5.657.898.075	-	-	5.657.898.075
Chi phí phải trả	34.800.000	-	-	34.800.000
	<u>43.730.839.651</u>	<u>220.082.630.691</u>	<u>-</u>	<u>263.813.470.342</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	167.970.610.576
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	55.158.141.576	218.364.241.253

S-C.T
 TY
 HỮU HẠN
 M. TOÁN
 SC
 M. TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu			
Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	229.430.620	3.074.188.372
		229.430.620	3.074.188.372

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	-	169.080.251
		-	169.080.251
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	80.800.832	724.127.123
		80.800.832	724.127.123

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.158.634.000	1.498.365.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trần Ngọc Anh
Người lậpTrần Thanh Hà
Kế toán trưởngĐỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 02 năm 2017